ThiPha Cable®

The World Class Wire & Cable

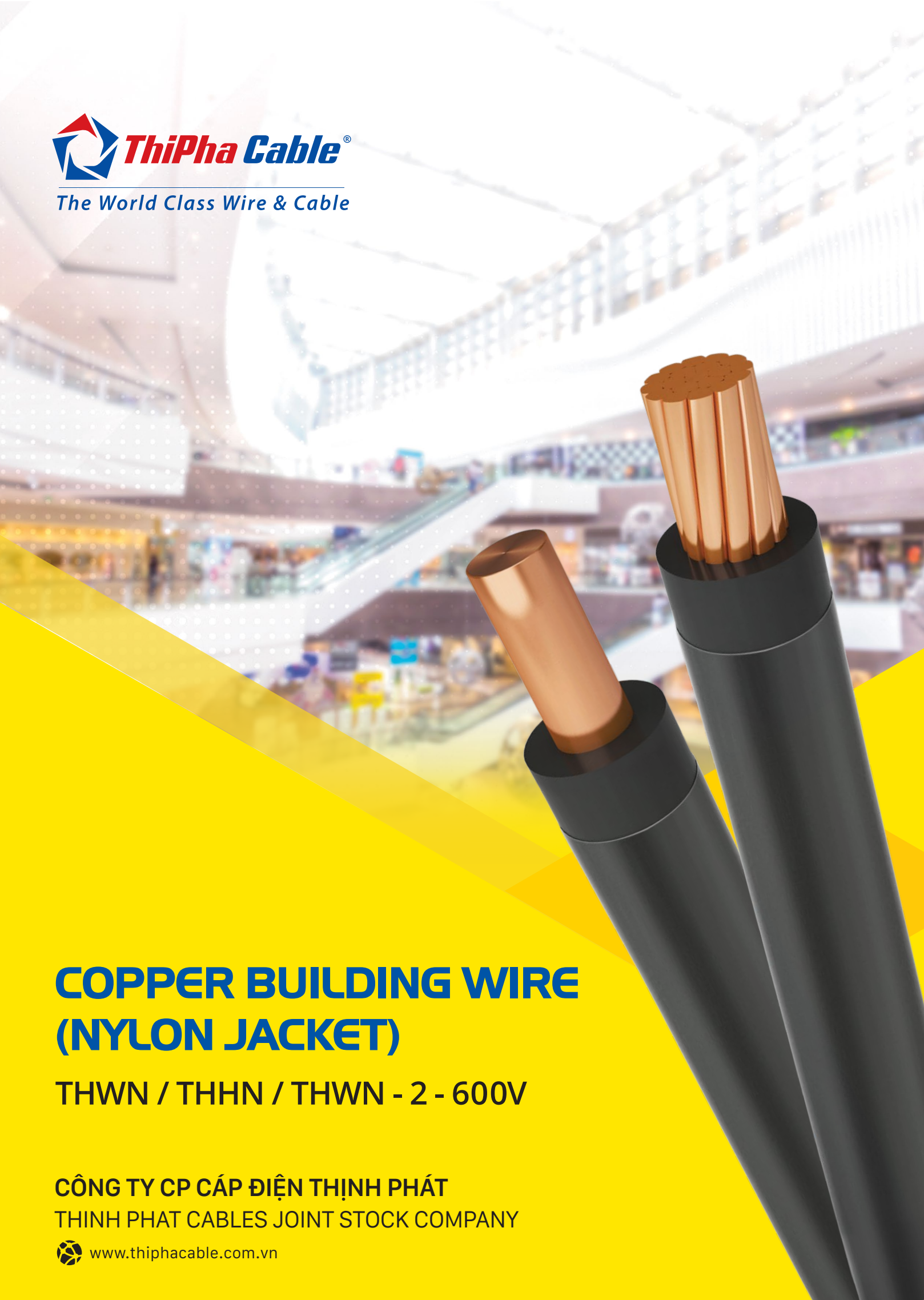

COPPER BUILDING WIRE (NYLON JACKET)

THWN / THHN / THWN - 2 - 600V

CÔNG TY CP CÁP ĐIỆN THỊNH PHÁT

THINH PHAT CABLES JOINT STOCK COMPANY

www.thiphacable.com.vn

DÂY DÂN DỤNG RUỘT ĐỒNG LOẠI THWN/ THHN/ THWN-2-600V
COPPER BUILDING WIRE TYPE THWN/ THHN/ THWN-2-600V

•Ứng dụng:

Lắp đặt trong máng cáp, đường dây hở hoặc đi trong ống, làm dây cấp nguồn chính, dây nhánh rẽ.

Thích hợp cho việc lắp đặt dây cấp điện và chiếu sáng trong các khu dân cư, trung tâm thương mại và công nghiệp.

•Application:

Ideal for cable tray installation, open wiring, conduits, service entrance, feeders, and branch circuits.

Suitable for power and lighting installations in residential, commercial, and industrial establishments.

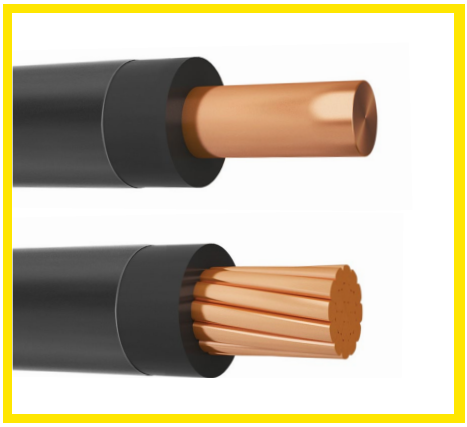

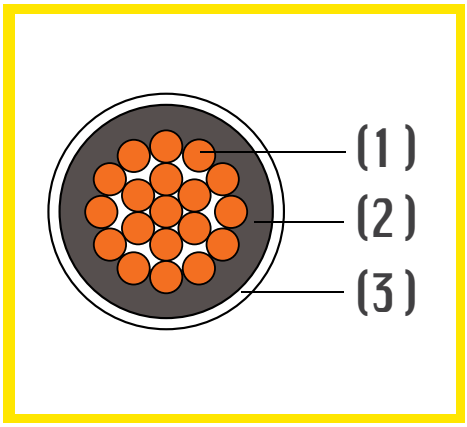

Tiêu chuẩn: UL 83, ASTM B3, ASTM B8
Cấu trúc: Cu/PVC/Nylon
1. Ruột dẫn: đồng mềm cấp 1, cấp 2 (nén hoặc không nén).
2. Cách điện: PVC, thân thiện với môi trường, phù hợp RoHS.
3. Vỏ bọc: Nylon, có tác dụng bảo vệ cơ học và chống lại ảnh hưởng từ các loại dầu mỏ, hóa chất. Đồng thời chống trầy xước, cho phép độ trượt cao hơn và dễ dàng hơn trong lắp đặt.

Nhận biết dây:
- Đen, trắng, đỏ, vàng, xanh, xanh lá …
- Có thể sản xuất các màu khác theo yêu cầu.

Các đặc tính của cáp:
- Điện áp định mức: 600V
- Nhiệt độ ruột dẫn tối đa trong vận hành bình thường:
  - THWN : 75°C ở nơi ẩm ướt
  - THHN : 90°C ở nơi khô ráo
  - THWN-2 : 90°C ở nơi khô ráo hoặc ẩm ướt

Standards: UL 83, ASTM B3, ASTM B8
Construction: Cu/PVC/Nylon
1. Conductor: soft drawn copper class 1, class 2 (compact or non-compact).
2. Insulation: PVC, environment friendly, in accordance with RoHS.
3. Jacket: Nylon, offers mechanical protection and resistance to petroleum by products, chemical reagents, and oils. It is also abrasion resistant, allows higher gliding and greater ease in installation.

Wire identification:
- Black, white, red, yellow, blue, green…
- Other colors available upon request.

Characteristics:
- Rated voltage: 600V
- Max. conductor temperature in normal use:
  - THWN : 75°C in wet location
  - THHN : 90°C in dry location
  - THWN-2 : 90°C in dry or wet location

Tiết diện danh định		Số sợi (min.) x ĐK sợi (danh định)	Chiều dày cách điện danh định	Chiều dày lớp vỏ nylon danh định	Đường kính ngoài gần đúng	Dòng điện cho phép		Điện trở ruột dẫn lớn nhất ở 20°C	Khối lượng gần đúng
Nominal area		*No.(min.) x Nominal dia. of wire*	*nominal thickness of insulation*	*nominal thickness of nylon jacket*	*Approx. overall diameter*	*Allowable ampacity*		*Max. DC resistance of conductor at 20°C*	*Approx. weight*
mm²	AWG	No. x mm	mm	mm	mm	A (75°C)	A (90°C)	Ω/km	kg/km
Solid						THWN	THHN / THWN-2		
2.08	14	1 x 1.63	0.38	0.10	2.6	15	15	8.45	22
3.31	12	1 x 2.05	0.38	0.10	3.0	20	20	5.31	33
5.26	10	1 x 2.59	0.51	0.10	3.8	30	30	3.343	56
8.37	8	1 x 3.26	0.76	0.13	5.0	50	55	2.102	88
ROUND CONCENTRIC-LAY- STRANDED									

Tiết diện danh định		Số sợi (min.) x ĐK sợi (danh định)	Chiều dày cách điện danh định	Chiều dày lớp vỏ nylon danh định	Đường kính ngoài gần đúng	Dòng điện cho phép		Điện trở ruột dẫn lớn nhất ở 20°C	Khối lượng gần đúng
Nominal area		*No.(min.) x Nominal dia. of wire*	*nominal thickness of insulation*	*nominal thickness of nylon jacket*	*Approx. overall diameter*	*Allowable ampacity*		*Max. DC resistance of conductor at 20°C*	*Approx. weight*
mm²	AWG	No. x mm	mm	mm	mm	A (75°C)	A (90°C)	Ω/km	kg/km
2.08	14	7x0.62	0.38	0.10	2.8	15	15	8.62	23
3.31	12	7x0.77	0.38	0.10	3.4	20	20	5.43	39
5.26	10	7x0.98	0.51	0.10	4.2	30	30	3.409	61
8.37	8	7x1.24	0.76	0.13	5.4	50	55	2.144	92
13.30	6	7x1.56	0.76	0.13	6.6	65	75	1.348	154
21.15	4	7x1.96	1.02	0.15	8.3	85	95	0.8481	244
33.62	2	7x2.47	1.02	0.15	9.2	115	130	0.5335	315
42.41	1	19x1.69	1.27	0.18	10.9	130	150	0.4230	418
53.49	1/0	19x1.89	1.27	0.18	11.9	150	170	0.3354	519
67.43	2/0	19x2.12	1.27	0.18	12.9	175	195	0.2660	631
85.01	3/0	19x2.39	1.27	0.18	14.4	200	225	0.2110	820
107.2	4/0	19x2.68	1.27	0.18	15.9	230	260	0.1673	1034
127	250	37x2.09	1.52	0.20	18.1	255	290	0.1416	1320
152	300	37x2.26	1.52	0.20	19.5	285	320	0.1180	1569
177	350	37x2.47	1.52	0.20	20.7	310	350	0.1011	1797
203	400	37x2.64	1.52	0.20	21.6	335	380	0.08851	1982
253	500	37x2.95	1.52	0.20	24.1	380	430	0.07080	2526
ROUND COMPACT - STRANDED									
2.08	14	7 x CC.	0.38	0.10	2.6	15	15	8.62	23
3.31	12	7 x CC.	0.38	0.10	3.2	20	20	5.43	38
5.26	10	7 x CC.	0.51	0.10	4.0	30	30	3.409	58
8.37	8	7 x CC.	0.76	0.13	5.1	50	55	2.144	87
13.30	6	7 x CC.	0.76	0.13	6.2	65	75	1.348	153
21.15	4	7 x CC.	1.02	0.15	8.2	85	95	0.8481	264
33.62	2	7 x CC.	1.02	0.15	8.7	115	130	0.5335	301
42.41	1	18 x CC.	1.27	0.18	10.2	130	150	0.4230	400
53.49	1/0	18 x CC.	1.27	0.18	11.1	150	170	0.3354	486
67.43	2/0	18 x CC.	1.27	0.18	12.0	175	195	0.2660	594
85.01	3/0	18 x CC.	1.27	0.18	13.4	200	225	0.2110	793
107.2	4/0	18 x CC.	1.27	0.18	14.7	230	260	0.1673	987
127	250	35 x CC.	1.52	0.20	16.6	255	290	0.1416	1217
152	300	35 x CC.	1.52	0.20	17.7	285	320	0.1180	1463
177	350	35 x CC.	1.52	0.20	18.8	310	350	0.1011	1680
203	400	35 x CC.	1.52	0.20	20.0	335	380	0.08851	1934
253	500	35 x CC.	1.52	0.20	22.0	380	430	0.07080	2418
300	600	58 x CC.	1.78	0.23	24.8	427	477	0.0601	2919
325	650	58 x CC.	1.78	0.23	25.6	450	500	0.0554	3161
375	750	58 x CC.	1.78	0.23	26.9	480	530	0.0503	3484
400	800	58 x CC.	1.78	0.23	27.7	495	545	0.0470	3896
500	1000	58 x CC.	1.78	0.23	30.7	560	610	0.0366	4751

Ngoài bảng trên chúng tôi có thể cung cấp các cỡ cáp khác theo yêu cầu của quý khách hàng
Beside above list we can also provide others size depend on customer's requirement

ThiPha Cable®

The World Class Wire & Cable

www.thiphacable.com

thinhphat@thipha.com.vn

CÔNG TY CP CÁP ĐIỆN THỊNH PHÁT

Văn Phòng:
51 Đường B4, P. An Lợi Đông, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM
ĐT: (028) 3825 3604 - Fax: (028) 3825 3605

Nhà máy SX:
Đường số 1, KCN Thịnh Phát, Tỉnh Lộ 830,
Ấp 3, Xã Lương Bình, Huyện Bến Lức,Tỉnh Long An
ĐT: (0272) 363 9999 - Fax: (0272) 363 7979

THINH PHAT CABLES JOINT STOCK COMPANY

Office:
No. 51, B4 Street, An Loi Dong Ward, Thu Duc City, HCMC.
Tel: +84 28 3825 3604 - Fax: +84 28 3825 3605

Factory:
Street 1, Thinh Phat Industrial Zone,
Provincial road 830, Hamlet 3, Luong Binh Commune,
Ben Luc District, Long An Province, Vietnam
Tel: +84 272 363 9999 - Fax: +84 272 363 7979

Management System ISO 9001:2015
TÜVRheinland CERTIFIED
www.tuv.com ID 9105083777
QUACERT 0279-11